

ĐỀ ÔN TẬP HÈ – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Circle the word whose underlined part is pronounced differently from the others'.

1. A. mountain B. around C. shoulder D. cloudy
 2. A. these B. thunder C. together D. therefore
 3. A. medical B. decide C. tennis D. pencil

II. Circle the word whose stress pattern is pronounced differently from the others'.

4. A. include B. become C. action D. believe
 5. A. homework B. future C. modern D. maintain

III. Choose the best option to complete the sentences by circle the letter A, B, C or D.

6. This is the _____ robot in the show. Our scientists spent more than 2 years building it.
 A. smart B. smarter C. most smart D. smartest
 7. If the home robots _____ out of battery, they _____ charge themselves with solar energy.
 A. run – will B. runs - should C. go - run D. go - will
 8. _____ can we do to make our school greener? – We can put a recycling bin in each classroom.
 A. How often B. What C. Where D. Why
 9. Does your neighborhood have _____ art gallery?
 A. a B. the C. an D. x
 10. We have lots of plastic bottles at home _____ we don't know what to do with them.
 A. and B. due to C. but D. so
 11. Our future house will be in _____ mountains. There will be many trees and flowers.
 A. a B. the C. an D. x
 12. I am still not sure where to go for my holiday. I _____ to Vung Tau city.
 A. need go B. am going C. will go D. might go

IV. Each of the following sentences has one mistake. Find and correct it.

13. We will help the environment if we all used the reusable shopping bag.
 A. will help B. if C. used D. reusable
 14. If we waste so much paper, we will save a lot of trees.
 A. If B. waste C. will save D. a
 15. Bringing your lunch box! You can save lots of money and avoid using plastic bags.
 A. Bringing B. box C. can save D. using

V. Put the words in the blanks into the correct forms.

16. Be quiet! You _____ (make) so much noise!
 17. Yesterday, our class _____ (go) to the art gallery.

18. We have our plan for summer holiday. We ____ (join) the 3Rs club to help the environment.

19. What is the ____ (long) river in Viet Nam?

20. If we ____ (protect) the forests, we ____ (help) our planet.

VI. Read the summary of an article choose the best answer A, B or C.

Have you ever wondered about changes of the future houses? We have gathered together some predictions regarding future houses: what will they be like? How will they be organised?

First of all, technology will be an effective tool to help improve our quality of life. There will be “smart homes” with high-tech appliances. People will use a phone app connected to home equipment and give orders. More houses of the future will be smaller because of the “living alone” trend. Smaller space makes one room become **multifunctional**: kitchen, dining, sleeping, and working. People also love the idea of motorhomes which helps them to change their locations. Imagine living in different cities every month, that’s fantastic! Another idea of future houses states that every individual house and building will become a power plant with renewable energy sources. There will be different alternative energy sources to use in houses because people care more about the environment.

21. What is the passage about?

A. Future houses B. Changes in technology C. High-tech appliances in houses

22. What will be an effective tool to create better living conditions?

A. multifunctional rooms B. smart device C. technology

23. According to the passage, what can people do with a phone app?

A. to connect with other people

B. to connect with home equipment

C. to give orders in their homes

24. What can we understand the word “**multifunctional**” in the passage?

A. having many appliances.

B. having several different functions.

C. having only one function.

25. What is NOT mentioned in the passage?

A. motorhomes help future people to travel around.

B. People in the future no longer care about the environment.

C. In the future, every house or building might use different sources of renewable energy.

VII. Combine two sentences to make a complete sentence using suitable possessive pronouns.

26. My robots is smaller than your robots.

→ My robots ____.

27. Your sister is younger than her sister.

→ Your ____.

28. Their vacation is longer than my vacation.

→ Their _____.

II. Rewrite these sentences without changing their meanings.

29. Recycle your notebooks, you will save more trees.

→ If _____.

30. I liked *Tom and Jerry* very much. I watched it many times. (so)

→ _____.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1.**Kiến thức:** Cách phát âm “ou”**Giải thích:**A. mountain /'maʊntən/C. shoulder /'ʃəʊldə(r)/B. around /ə'raʊnd/D. cloudy /'klaʊdi/

Phần gạch chân phương án C được phát âm là /əʊ/, còn lại phát âm là /aʊ/.

Đáp án C**2.****Kiến thức:** Cách phát âm “th”**Giải thích:**A. these /ði:z/C. together /tə'geðə(r)/B. thunder /'θʌndə(r)/D. therefore /'ðeəfɔ:(r)/

Phần gạch chân phương án B được phát âm là /θ/, còn lại phát âm là /ð/.

Đáp án B**3.****Kiến thức:** Cách phát âm “e”**Giải thích:**A. medical /'medɪkl/C. tennis /'tenɪs/B. decide /dɪ'saɪd/D. pencil /'pensl/

Phần gạch chân phương án B được phát âm là /ɪ/, còn lại phát âm là /e/.

Đáp án B**4.****Kiến thức:** Trọng âm từ có 2 âm tiết**Giải thích:**A. include /ɪn'klu:d/C. action /'ækʃn/B. become /bɪ'kʌm/D. believe /bɪ'li:v/

Phương án C có trọng âm rơi vào âm tiết 1, còn lại là âm tiết 2.

Đáp án C**5.****Kiến thức:** Trọng âm từ có 2 âm tiết**Giải thích:**A. homework /'həʊmwɜ:k/C. modern /'mɒdn/B. future /'fju:tʃə(r)/D. maintain /meɪn'teɪn/

Phương án D có trọng âm rơi vào âm tiết 2, còn lại là âm tiết 1.

Đáp án D

6.

Kiến thức: So sánh nhất

Giải thích:

Cấu trúc so sánh nhất với tính từ ngắn: S + be + the + adj_est + (N)

Tạm dịch: Đây là robot thông minh nhất trong chương trình. Các nhà khoa học của chúng tôi đã dành hơn 2 năm để phát triển nó.

Đáp án D

7.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích:

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

cụm: run out of + something: hết cái gì

Tạm dịch: Nếu robot gia đình hết pin, chúng sẽ tự sạc bằng năng lượng mặt trời.

Đáp án A

8.

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích:

A. How often: Thường xuyên như thế nào (hỏi về mức độ thường xuyên)

B. What: Cái gì (hỏi về vật)

C. Where: Ở đâu (hỏi địa điểm)

D. Why: Tại sao (hỏi lí do)

Tạm dịch: Chúng ta có thể làm gì để trường học của chúng ta xanh hơn? - Chúng ta có thể đặt một thùng rác tái chế trong mỗi lớp học.

Đáp án B

9.

Kiến thức: Mạo từ

Giải thích:

danh từ “gallery” là danh từ đếm được đang ở dạng số ít => cần dùng mạo từ

Đây là lần đầu tiên nhắc đến danh từ đó => dùng mạo từ không xác định “a” hoặc “an”

“art” có nguyên âm “a” ở đầu => dùng mạo từ “an”

Tạm dịch: Khu phố của bạn có phòng trưng bày nghệ thuật không?

Đáp án C

10.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. and + S + V: và ... (dùng để thêm ý)
- B. due to + N: vì ... (chỉ nguyên nhân)
- C. but + S + V: nhưng ... (chỉ sự đối lập)
- D. so + S + V: vì vậy ... (chỉ kết quả)

Tạm dịch: Chúng tôi có rất nhiều chai nhựa ở nhà nhưng chúng tôi không biết phải làm gì với chúng.

Đáp án C**11.****Kiến thức:** Mạo từ**Giải thích:**

Cụm “in the mountains”: ở trên những ngọn núi.

Tạm dịch: Ngôi nhà tương lai của chúng ta sẽ ở trên núi. Sẽ có nhiều cây và hoa.

Đáp án B**12.****Kiến thức:** Động từ khuyết thiếu**Giải thích:**

- A. need go: cần đi
- B. am going: sẽ đi (thì hiện tại tiếp diễn diễn tả hành động chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai, có lịch trình)
- C. will go: sẽ đi (thì tương lai đơn diễn tả hành động sẽ xảy ra trong tương lai)
- D. might go: sẽ đi (diễn tả hành động có thể xảy ra trong tương lai nhưng không chắc chắn chúng có xảy ra hay không)

Tạm dịch: Tôi vẫn không chắc sẽ đi đâu cho kỳ nghỉ của mình. Tôi có thể đến thành phố Vũng Tàu.

Đáp án D**13.****Kiến thức:** Câu điều kiện loại 1**Giải thích:**

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Sửa: used => use

Tạm dịch: Chúng ta sẽ giúp ích cho môi trường nếu tất cả chúng ta đều sử dụng túi mua sắm có thể tái sử dụng.

Đáp án C**14.****Kiến thức:** Câu điều kiện loại 1**Giải thích:**

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Sửa: waste => don't waste

Tạm dịch: Nếu chúng ta không lãng phí nhiều giấy như vậy, chúng ta sẽ cứu được rất nhiều cây xanh.

Đáp án B

15.

Kiến thức: Câu mệnh lệnh

Giải thích:

Cấu trúc câu mệnh lệnh dạng khẳng định: V_infinite + ...!: Hãy làm gì ...!

Sửa: Bringing => Bring

Tạm dịch: Hãy mang theo hộp cơm trưa của cậu! Cậu có thể tiết kiệm được nhiều tiền và tránh sử dụng túi nhựa.

Đáp án A

16.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết: "Be quiet!" – Hãy yên lặng đi! – câu mệnh lệnh => chia thì hiện tại tiếp diễn

Thì hiện tại tiếp diễn: S + am/ is/ are + V_ing

Diễn tả 1 hành động đang xảy ra tại thời điểm nói

Tạm dịch: Hãy yên lặng đi! Cậu đang làm ồn quá đấy!

Đáp án: are making

17.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết: "Yesterday!" – Ngày hôm qua => chia thì quá khứ đơn

Thì quá khứ đơn: S + V_ed/ cột 2

Diễn tả 1 hành động đã xảy ra hoàn tất trong quá khứ

Tạm dịch: Hôm qua, lớp chúng tôi đã đi đến phòng triển lãm nghệ thuật.

Đáp án: went

18.

Kiến thức: Thì tương lai có dự định

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết: "We have our plan for summer holiday." – Chúng tôi có kế hoạch cho kỳ nghỉ hè => chia thì tương lai có dự định

Thì tương lai có dự định: S + be going to + V_infinite

Diễn tả 1 hành động sẽ chắc chắn xảy ra trong tương lai (đã có kế hoạch dự định từ trước)

Tạm dịch: Chúng tôi có kế hoạch cho kỳ nghỉ hè. Chúng tôi sẽ tham gia câu lạc bộ 3Rs để giúp môi trường.

Đáp án: are going to join

19.

Kiến thức: So sánh nhất

Giải thích:

Cấu trúc so sánh nhất với tính từ ngắn: S + be + the + adj_est + (N)

Tạm dịch: Con sông nào dài nhất ở Việt Nam?

Đáp án: longest

20.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích:

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Tạm dịch: Nếu chúng ta bảo vệ rừng, chúng ta sẽ giúp được hành tinh của chúng ta.

Đáp án: protect – will help

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Đoạn văn nói về điều gì?

A. Những ngôi nhà trong tương lai

B. Những thay đổi trong công nghệ

C. Những thiết bị công nghệ cao trong ngôi nhà

Thông tin: Have you ever wondered about changes of the future houses? We have gathered together some predictions regarding future houses: what will they be like? How will they be organised?

Tạm dịch: Bạn đã bao giờ tưởng tượng về những thay đổi của nhà trong tương lai? Chúng tôi đã tập hợp lại một số dự đoán về nhà trong tương lai: Chúng sẽ trông như thế nào? Chúng được sắp xếp ra sao?

Đáp án A

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Cái nào sẽ là một công cụ hữu ích để tạo ra một điều kiện sống tốt hơn?

A. những căn phòng đa chức năng

B. thiết bị thông minh

C. công nghệ

Thông tin: First of all, technology will be an effective tool to help improve our quality of life.

Tạm dịch: Đầu tiên, công nghệ sẽ là một công cụ hữu ích nhằm giúp cải thiện chất lượng cuộc sống.

Đáp án C

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, mọi người có thể làm gì với ứng dụng điện thoại?

- A. kết nối với những người khác
- B. kết nối với thiết bị gia đình
- C. đưa ra yêu cầu trong nhà của họ

Thông tin: People will use a phone app connected to home equipment and give orders.

Tạm dịch: Con người sẽ dùng một ứng dụng điện thoại kết nối với đồ gia dụng và đưa ra yêu cầu.

Đáp án C

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Chúng ta có thể hiểu từ “multifunctional” trong đoạn văn là gì?

multifunctional (adj): đa chức năng

- A. having many appliances: có nhiều đồ dùng
- B. having several different functions: có một số chức năng khác nhau
- C. having only one function: chỉ có một chức năng

=> multifunctional = having several different functions: đa chức năng

Đáp án B

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều gì KHÔNG được đề cập trong đoạn văn?

- A. Những ngôi nhà lưu động giúp con người ở trong tương lai đi du lịch khắp nơi.
- B. Con người trong tương lai không còn quan tâm đến môi trường.
- C. Trong tương lai, mỗi ngôi nhà hoặc tòa nhà có thể sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo khác nhau.

Thông tin: There will be different alternative energy sources to use in houses because people care more about the environment.

Tạm dịch: Sẽ có nhiều nguồn năng lượng sạch thay thế để dùng trong nhà vì con người đã quan tâm nhiều hơn về môi trường.

Đáp án B

Dịch bài đọc:

Bạn đã bao giờ tưởng tượng về những thay đổi của nhà trong tương lai? Chúng tôi đã tập hợp lại một số dự đoán về nhà trong tương lai: Chúng sẽ trông như thế nào? Chúng được sắp xếp ra sao?

Đầu tiên, công nghệ sẽ là một công cụ hữu ích nhằm giúp cải thiện chất lượng cuộc sống. Sẽ có những “ngôi nhà thông minh” với đồ dùng công nghệ cao. Con người sẽ dùng một ứng dụng điện thoại kết nối với đồ gia

dụng và đưa ra yêu cầu. Nhiều ngôi nhà trong tương lai sẽ nhỏ hơn vì xu hướng “sống một mình”. Không gian nhỏ hơn khiến một căn phòng trở nên đa năng: nấu nướng, ăn uống, ngủ nghỉ và làm việc. Con người cũng thích ý tưởng nhà di động, điều khiến họ thay đổi địa điểm. Tưởng tượng cuộc sống ở các thành phố khác nhau mỗi tháng, thật tuyệt! Ý tưởng khác về nhà tương lai chỉ ra rằng mỗi một căn nhà hay tòa nhà sẽ trở thành một “tòa năng lượng” dùng những nguồn năng lượng tái tạo. Sẽ có nhiều nguồn năng lượng sạch thay thế để dùng trong nhà vì con người đã quan tâm nhiều hơn về môi trường.

26.

Kiến thức: Đại từ sở hữu

Giải thích:

Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho “tính từ sở hữu + danh từ” để tránh lặp lại danh từ

Tạm dịch: Robot của tôi nhỏ hơn robot của bạn.

Đáp án: is smaller than yours.

27.

Kiến thức: Đại từ sở hữu

Giải thích:

Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho “tính từ sở hữu + danh từ” để tránh lặp lại danh từ

Tạm dịch: Em gái của bạn nhỏ hơn em gái của cô ấy.

Đáp án: sister is younger than hers.

28.

Kiến thức: Đại từ sở hữu

Giải thích:

Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho “tính từ sở hữu + danh từ” để tránh lặp lại danh từ

Tạm dịch: Kỳ nghỉ của họ dài hơn kỳ nghỉ của tôi.

Đáp án: vacation is longer than mine.

29.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích:

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Tạm dịch: Tái chế vở của bạn, bạn sẽ cứu được nhiều cây hơn.

= Nếu bạn tái chế vở của mình, bạn sẽ cứu được nhiều cây hơn.

Đáp án: you recycle your notebooks, you will save more trees.

30.

Kiến thức: Cấu trúc câu cơ bản

Giải thích: so + S + V: vì vậy ... (chỉ kết quả)

Tạm dịch: Tôi rất thích Tom và Jerry. Tôi đã xem nó nhiều lần.

= Tôi rất thích Tom và Jerry vì vậy tôi đã xem nó nhiều lần.

Đáp án: I liked Tom and Jerry very much so I watched it many times.